



APN
ASIA-PACIFIC NETWORK FOR
GLOBAL CHANGE RESEARCH



HIỆN TRẠNG NUÔI TÔM TẠI VIỆT NAM VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trung tâm Môi trường và Phát triển Nguồn lực Cộng đồng (CECAD)

Trà Vinh, 23/09/2022

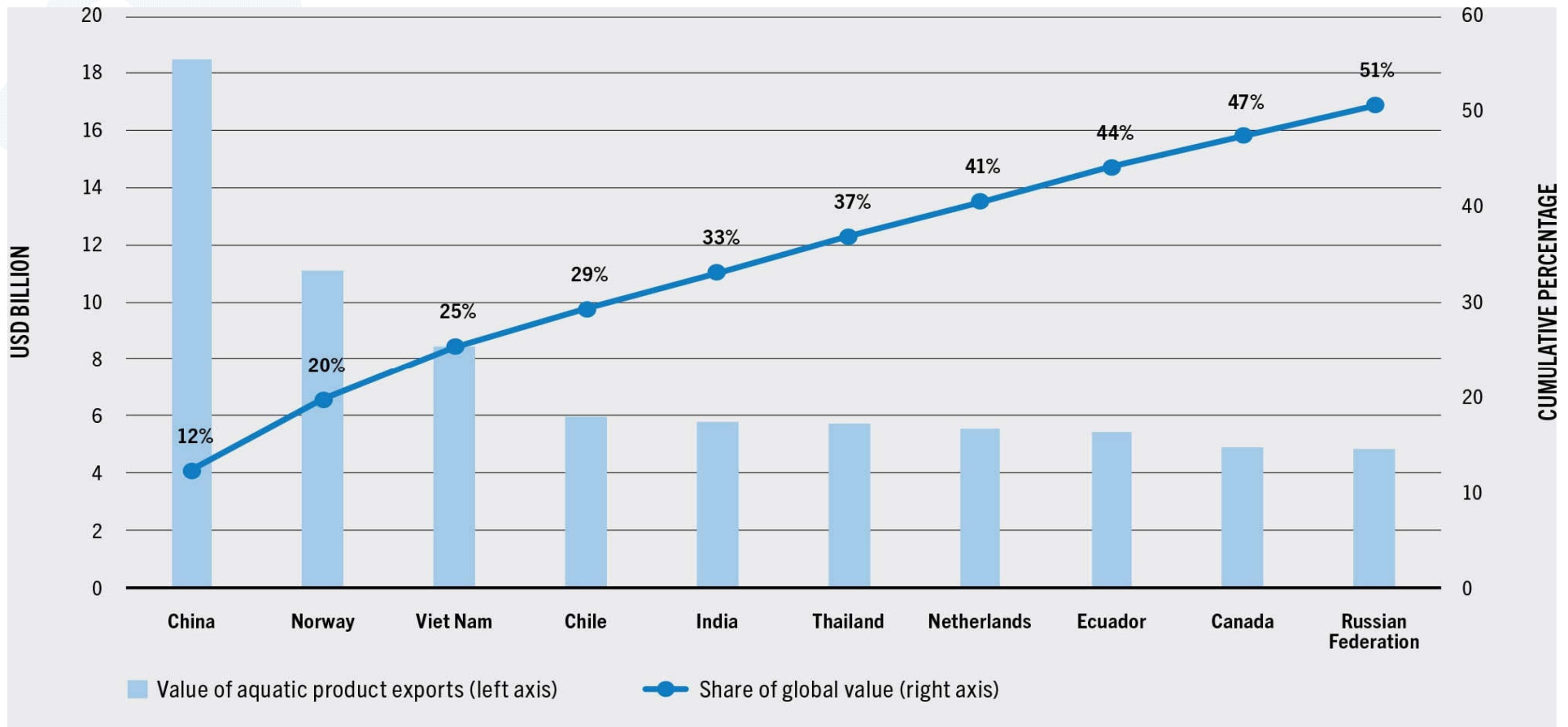
TÔM LÀ HÀNG THỦY SẢN CÓ GIÁ TRỊ CAO NHẤT TRÊN THẾ GIỚI



chiếm hơn 60% các loài giáp xác được nuôi trên thế giới.



VIỆT NAM LÀ NƯỚC SẢN XUẤT TÔM LỚN THỨ BA TRÊN THẾ GIỚI



10 Quốc gia xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới 2020 (Nguồn: FAO, 2022)

XUẤT KHẨU TÔM VIỆT NAM

2017: 3,4 TỶ USD

2021: 3,871 TỶ USD

XUẤT KHẨU TÔM CỦA VIỆT NAM, T1-T6/2022

2,3 tỷ USD

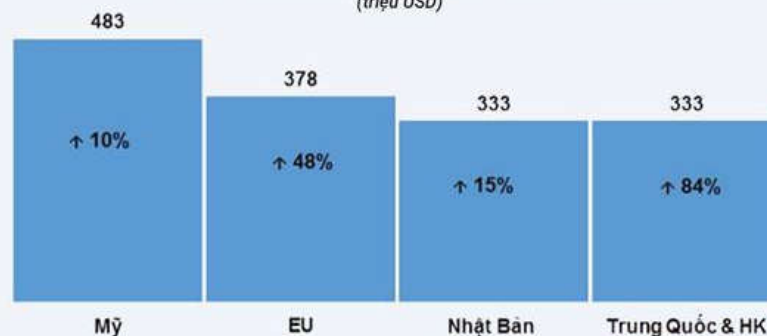
Kim ngạch XK

↑31%

XUẤT KHẨU TÔM VIỆT NAM, T1-6/2018-2022
(tỷ USD)



TOP 4 THỊ TRƯỜNG NK TÔM CỦA VIỆT NAM, T1-T6/2022 (triệu USD)



TOP 5 ĐỊA PHƯƠNG XK TÔM LỚN NHẤT VIỆT NAM, T1-6/2022 (triệu USD)



HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM (VASEP)
vasep.com.vn

VASEP news

DIỆN TÍCH & SẢN LƯỢNG NUÔI TÔM THƯƠNG PHẨM 2020

Cả nước:

- Diện tích: 742.483 ha (diện tích nuôi tôm sú: 629.065 ha, tôm chân trắng: 113.418 ha)
- Sản lượng: 900.000 tấn (tôm sú đạt 267,7 nghìn tấn, tôm thẻ chân trắng 632,3 nghìn tấn)

ĐBSCL:

- Diện tích: 285.011 ha: Diện tích nuôi tôm sú: 605.014ha; tôm chân trắng: 91.318 ha
- Sản lượng: 800.772 tấn (sản lượng tôm sú: 275.359 tấn; tôm chân trắng: 525.413 tấn)

Trà Vinh:

- Tổng diện tích: 34.027 ha (Diện tích tôm sú: 24.849 ha, tôm chân trắng: 9.178 ha)
- Sản lượng: 74.447 tấn (Sản lượng tôm sú: 14.545 tấn; Sản lượng tôm thẻ: 59.902 tấn)

HÌNH THỨC NUÔI

- Nuôi siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao (nuôi đơn)
- Nuôi thâm canh, bán thâm canh (nuôi đơn)
- Nuôi QC-QCCT (ghép nhiều loài tôm + cua + cá):
 - (i) nuôi chuyên canh ao đầm (tức nuôi chuyên tôm trong ao đầm),
 - (ii) tôm lúa; và
 - (iii) tôm rừng



Nuôi thâm canh: > 90.000ha
năng suất 5-6 t/ha/vụ

Siêu thâm canh ~60 t/ha/vụ



Tôm - lúa
Tổng DT: ~600.000 ha,
Năng suất: 300-400
kg/ha/vụ



Nuôi tôm rừng
Tổng diện tích: 45.000 ha
Năng suất: 300-400 kg/ha/năm

Nuôi tôm QCCT+ QC
Tổng diện tích: 542.764 ha ha
Năng suất : 300-800 kg/ha/năm



NUÔI THÂM CANH - SIÊU THÂM CANH

Thâm canh ao đất



Thâm canh ao lót bạt



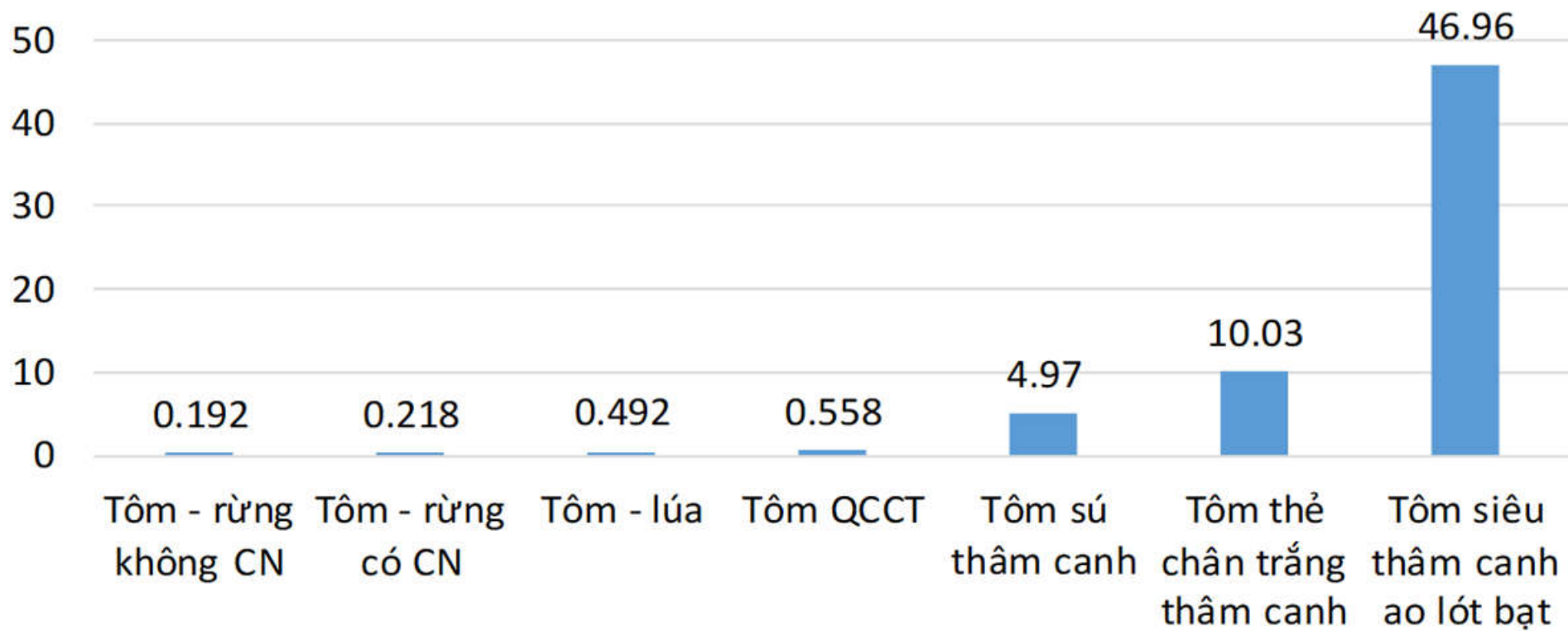
Thâm canh ao lót bạt



Thâm canh ao lót bạt
- nhà kín

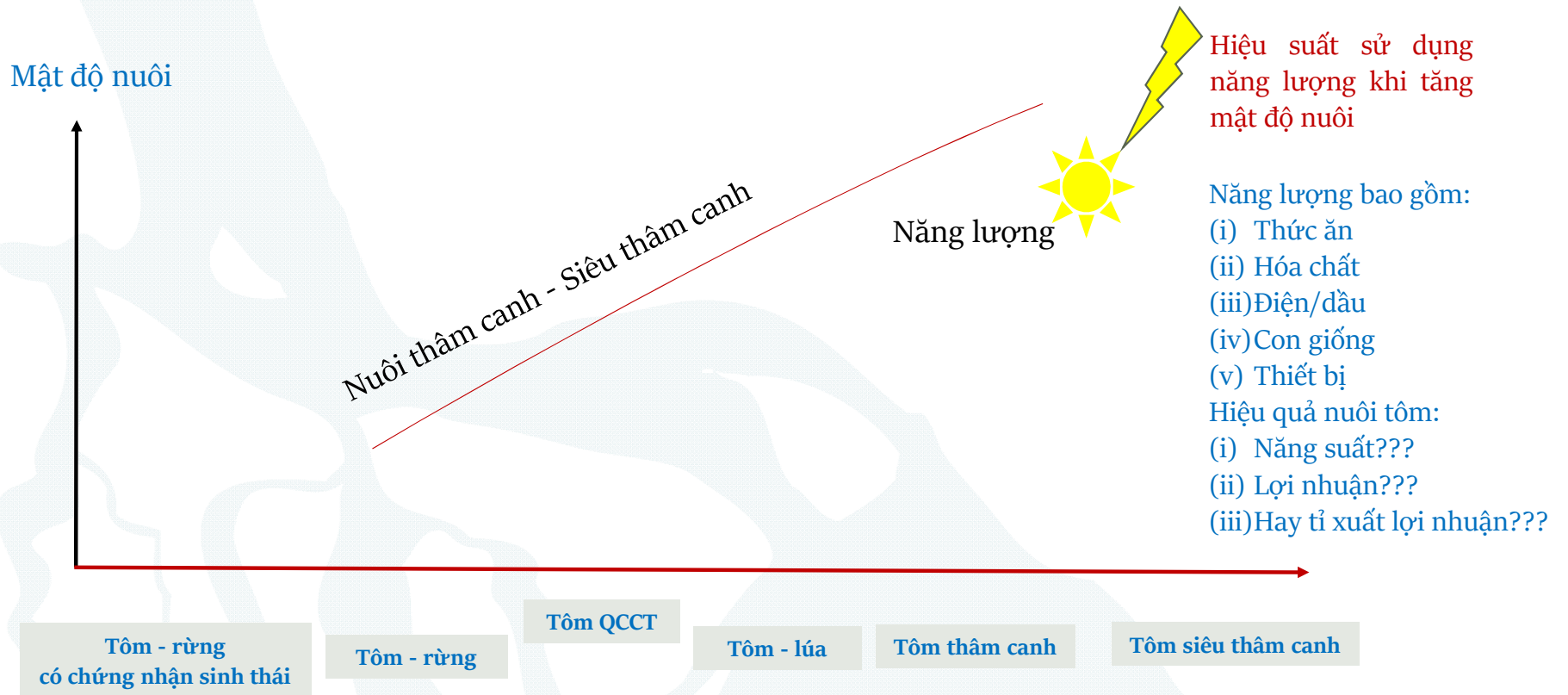
NĂNG SUẤT NUÔI THÂM CANH - SIÊU THÂM CANH CAO

Năng suất (tấn/ha/vụ)



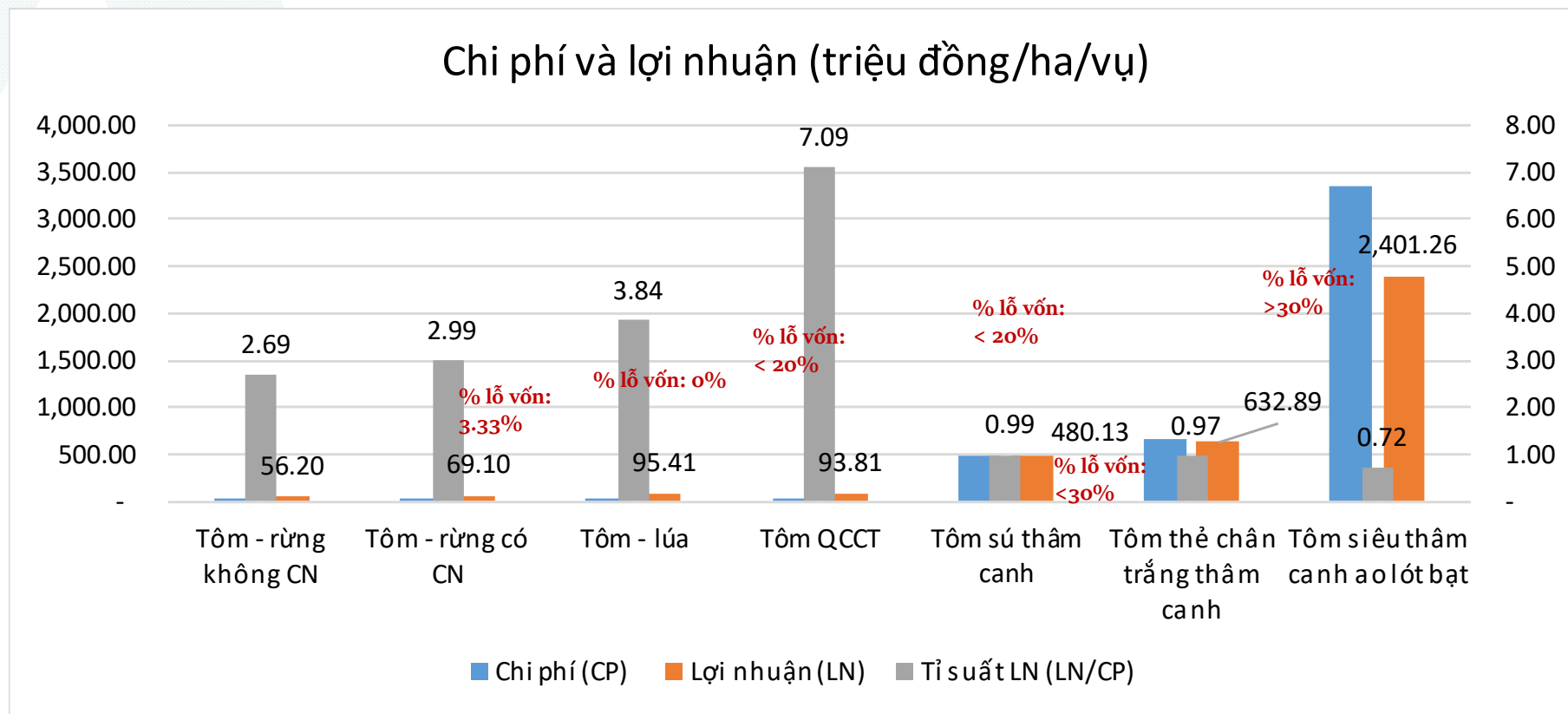
Nguồn: PGS. TS. Võ Nam Sơn _ĐH Cần Thơ

NĂNG LƯỢNG SỬ DỤNG CHO NUÔI TÔM CAO



Nguồn: PGS. TS. Võ Nam Sơn - ĐH Cần Thơ

Chi phí nuôi siêu thâm canh cao, lợi nhuận cao nhưng tỷ suất lợi nhuận không cao



NUÔI THÂM CANH - SIÊU THÂM CANH

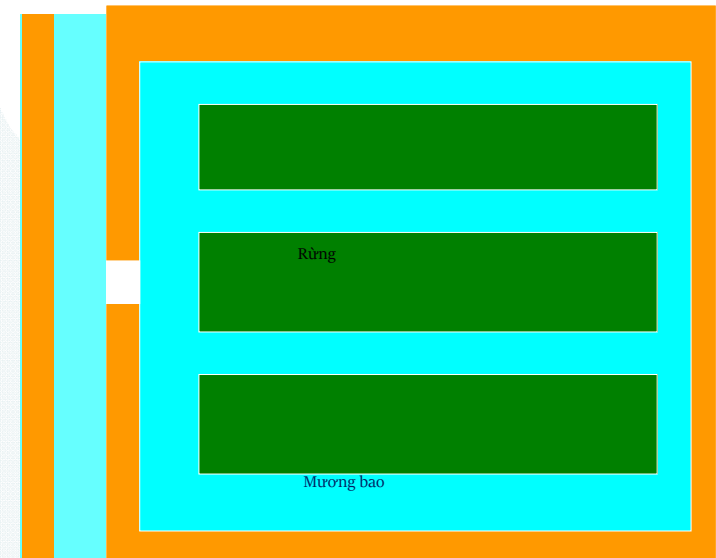
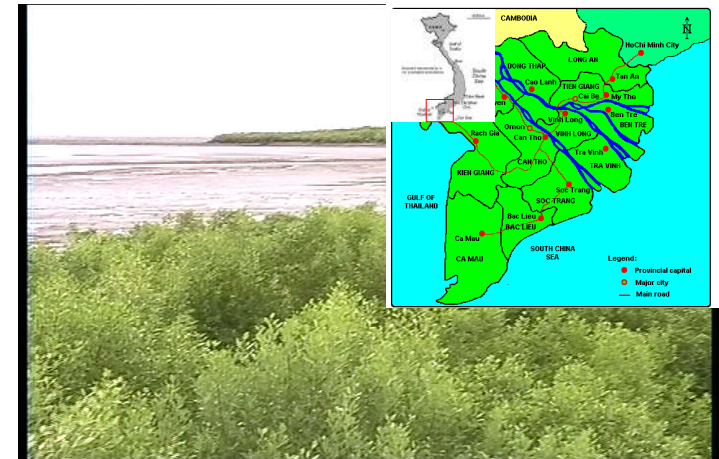
NHƯỢC ĐIỂM

- Năng lượng từ thức ăn thực sự được sử dụng hữu ích (tích tụ trong tôm) là thấp 25% (thải 75%)
- Theo ước tính ban đầu, năng lượng chiếm khoảng 10% chi phí đầu tư cho vụ nuôi, từ khoảng 50 triệu đến 200 triệu đồng tiền điện ha/vụ,
- Thay nước lớn hơn 16% sẽ tăng chi phí vận hành như nhiên liệu và tăng ô nhiễm môi trường (García-Sanz , ctv., 2011)

Nguồn: PGS. TS. Võ Nam Sơn _ĐH Cần Thơ

TÔM - RỪNG

- Phát triển từ giữa thập niên 1970
- Chủ yếu ở vùng đê ven biển
- Phổ biến nhất ở Cà Mau
- Quản lý dưới dạng Lâm ngư trường – cho người dân thuê khoán
- Rừng 50-70%, mương 30-50%, chủ yếu rừng được <15 tuổi.
- Quản lý theo dạng quảng canh cải tiến
- 6000 ha đã được công nhận là nuôi tôm sinh thái bởi Naturland



VAI TRÒ CỦA RỪNG

- Là nơi cư trú, ẩn nấp, bãi ăn, sinh trưởng và sinh sản của nhiều loài tôm, cua, cá, nhuyễn thể...
- Lá, rễ mọc cung cấp nhiều thức ăn trực tiếp hay gián tiếp
(rong, tảo, động vật lơ lửng hay động vật đáy)
- Ổn định nhiệt độ nước
- Che phủ đất, hạn chế sinh phèn
- Rễ hấp thu chất độc: lọc sinh học cho nước



TÔM – RỪNG

Ưu điểm

- Vuông có rừng khoảng 50% tốt hơn không rừng; rừng 5-10 tuổi tốt hơn không rừng; các loại cây rừng ảnh hưởng không đáng kể đến tôm
- Vừa nuôi tôm, đảm bảo môi trường, nguồn lợi
- Kỹ thuật nuôi đơn giản
- Tận dụng thức ăn tự nhiên
- Đầu tư thấp, thu nhập thường xuyên,
- Đa dạng sản phẩm, tôm sinh thái



TÔM – RỪNG

Nhược điểm

- Mô hình hở, khó khống chế mầm bệnh
- Thiết kế không thích hợp hay rừng quá dày đặc sẽ gây ô nhiễm vùng nuôi (cuối vùng)
- Vai trò của rừng đối với hệ sinh thái ao nuôi ngày càng giảm do trồng rừng không được ngập nước
- Tỷ lệ sống, năng suất, thu nhập thấp



TÔM - LÚA

- Phát triển nhanh chóng từ 2001.
- Phổ biến ở Sóc Trăng, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu
- Nuôi tôm và mùa nắng (12-6), trồng lúa mùa mưa (7-11)
- Ruộng: 2 kiểu
 - Truyền thống: có ao xung quanh
 - Cải tiến: Hạ thấp toàn bộ mặt ruộng bằng cơ giới, như ao bán nổi bán chìm
- Chuẩn bị: Dọn gốc rạ, bón vôi, phân
- Mật độ thả: 2-5 tôm/m² hay 5-10 con/m². Ương trên 1 khu (1/10 diện tích), 50-100 con/m², 2-3 tuần.



TÔM - LÚA



Ưu điểm

- Tận dụng diện tích ruộng để sản xuất
- Mùa vụ thay đổi, chất đất và nước tốt
- Đơn giản, đầu tư thấp
- Đảm bảo an ninh lương thực.

Nhược điểm

- Rong nhớt
- Môi trường biến động, độ mặn và độ kiềm thấp
- Dư lượng thuốc trừ sâu
- Khống chế độ mặn theo mùa cho canh tác còn khó khăn

NUÔI TÔM QUẢNG CANH CẢI TIẾN (QCCT)

- Chủ yếu trên đất rừng hay đất ruộng
- Rộng nhất. Phổ biến ở Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng
- Quản lý đơn giản như nuôi tôm-rừng
- Năng suất tương tự mô hình tôm rừng



NUÔI TÔM QCCT

Ưu điểm

- Tiềm năng diện tích rộng lớn
- Kỹ thuật đơn giản
- Có thể đa dạng đối tượng nuôi (tôm, cua, cá,
- Vuông có rong, thực vật thủy sinh thích hợp (khoảng 30-50%) rất tốt cho tôm cá và môi trường
- Đầu tư thấp, thu nhập thường xuyên



NUÔI TÔM QCCT

Nhược điểm

- Mức nước thấp nên môi trường rất biến động, dễ gây sốc tôm và rong tạt nhiều
- Mô hình hở, khó kiểm soát bệnh, địch hại
- Dùng thuốc nông dược diệt cá, rong tạt khi rong nhiều, nguy hiểm
- Tỷ lệ sống và năng suất thấp.
- Diện tích rộng nên hệ thống thủy lợi chưa thỏa mãn



THÁCH THỨC NUÔI TÔM Ở ĐBSCL – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Sau 1980 (Đổi mới): chuyển uộng lúa và muối, phá rừng ngập năm để nuôi tôm
- Sử dụng quá nhiều thức ăn, kháng sinh, hoá chất trong nuôi tôm
- Xả thải chất thải rắn lỏng không qua xử lý
- Biến đổi khí hậu/ thời tiết cực đoan
- Xung đột về sử dụng đất và nước xảy ra giữa người nuôi tôm thâm canh và quảng canh



Suy giảm tính toàn vẹn của Hệ sinh thái rừng ngập mặn, đất ngập nước, suy thoái môi trường, tăng sự lây lan của các đợt bùng phát dịch bệnh (2020: 6.858 ha bị dịch bệnh)



Thất thu lớn và tạo ra gánh nặng tài chính lớn cho người nuôi quy mô nhỏ



GIẢI PHÁP HƯỚNG TỚI NUÔI TÔM BỀN VỮNG Ở ĐBSCL

Trung tâm Môi trường và Phát triển Nguồn lực Cộng đồng (CECAD)

Trà Vinh, 23/09/2022

CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN “PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”

- Suy thoái rừng ngập mặn
- Suy thoái chất lượng nước
- Sâm nhập mặn
- Bùng phát dịch bệnh
- Xung đột sử dụng nước
- Tư nhân hóa tài nguyên thiên nhiên
- An toàn thực phẩm: nhiễm khuẩn và dư lượng thuốc

Các chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn:
ASC, BAP và GLOBAL G.A.P,...

GIẢI PHÁP CỦA CHÍNH PHỦ

- Quyết định 79 QĐ-TTg: quy hoạch tổng thể phát triển ngành tôm
- Cải thiện tiêu chuẩn kỹ thuật cho trại giống và trang trại nuôi tôm thẻ chân trắng
- Chương trình chứng nhận: VietGAP, Thực hành Quản lý Tốt hơn (BMP),..
- Đào tạo và nâng cao năng lực chuyên môn cho các nông hộ quy mô nhỏ
- Thúc đẩy hợp tác của nông dân, HTX và các tác nhân khác trong chuỗi (thức ăn, con giống, nhà máy chế biến,..)
- Bảo vệ và trồng lại rừng ngập mặn, giảm thiểu việc chuyển đổi đất đai và các tác động xấu đến môi trường
- Loại bỏ việc sử dụng kháng sinh và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản
- Các hình thức NTTS: siêu thân canh, thâm canh, quảng canh,....
- Các chứng nhận: GlobalGAP, VietGAP, BAP, ASC, Naturland, SQF, HACCP,...

MỘT SỐ CHỨNG NHẬN NUÔI TÔM



Marine Stewardship Council
Certified sustainable seafood



VAI TRÒ CỦA CHỨNG NHẬN NUÔI TÔM

- Khuyến khích người nuôi & các tác nhân khác nhau trong chuỗi giá trị khả năng tiếp cận thị trường quốc tế
- Có được giá trị gia tăng từ nhãn mác để tạo sự khác biệt cho sản phẩm
- Có giá tốt hơn cho sản phẩm
- Cung cấp cho khách hàng thông tin về nguồn gốc sản phẩm
- Người nuôi biết được tình trạng sản phẩm trong chuỗi cung ứng
- Được thiết kế đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc và
- Sản phẩm nuôi trồng tuân phải thủ tiêu chuẩn
- Tập trung vào tính bền vững, an toàn thực phẩm, an toàn lao động

Nuôi có chứng nhận – chứng nhận sinh thái

Lợi ích:

- Tăng tính an toàn vệ sinh thực phẩm
- Bảo vệ môi trường
- An sinh xã hội
- An sinh động vật
- Minh bạch hơn trong sản xuất và kinh doanh thủy sản

Thách thức:

- Tăng chi phí
- Quá nhiều tiêu chuẩn và quy định phi chuẩn mực (mặt dù nội dung chi tiết là gần giống nhau về bản chất)
- Phụ thuộc lớn vào khách hàng

Mô hình nuôi tôm truyền thống (thông thường)

Lợi ích (ngắn hạn):

- Đơn giản với không cần đầu tư
- Khác hàng truyền thống

Thách thức:

- An toàn vệ sinh thực phẩm thấp/ rủi ro cao
- Không bảo vệ môi trường/ kém bền vững
- An sinh động vật kém
- Kém minh bạch hơn trong sản xuất và kinh doanh thủy sản

CHỨNG NHẬN TÔM BỀN VỮNG

General Types of Certification

Specific Targets	General Product Certification	Standards	Production System Certification	Processing Certification	Product Certification
Farming practices	ASC, GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	HACCP, GLOBAL GAP, BAP, VietGAP
Chemicals	ASC, GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	BAP, GLOBAL GAP, VietGAP,	GLOBALGAP, BAP, VietGAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	HACCP, GLOBAL GAP, BAP, VietGAP
Environment	ASC, GLOBAL GAP, VietGAP, BAP ASC	BAP, GLOBAL GAP, VietGAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	HACCP, GLOBAL GAP, BAP, VietGAP
Social	ASC, GLOBAL GAP, BAP	BAP, GLOBAL GAP, Viet GAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	GLOBAL GAP, BAP, VietGAP	HACCP, GLOBAL GAP, BAP, VietGAP

Nhà sản xuất quy mô nhỏ khó có được do chứng nhận tốn kém, phức tạp

- **GAA-BAP:** Toàn bộ chuỗi sản xuất: An toàn thực phẩm, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm môi trường, truy xuất nguồn gốc
- **GLOBAL GAP:** Toàn bộ chuỗi: An toàn thực phẩm, quyền của người lao động, quyền lợi động vật và bảo vệ môi trường
- **ASC:** Tập trung hơn vào người nuôi: Tính bền vững của môi trường, an toàn sinh học, bảo vệ cộng đồng và người lao động; truy xuất nguồn gốc: sử dụng quy trình CoC, ..
 - **Bộ quy tắc ứng xử đối với nghề cá có trách nhiệm (CoC):** tập trung các tác động xã hội và môi trường
- **Qui tắc thực hành nuôi tốt (good aquaculture practices – GAP):** sản phẩm chất lượng theo luật và qui định về vệ sinh an toàn thực phẩm (FAO, 2008).
- **Thực hành nuôi tốt hơn hay tốt nhất (better/best management practices - BMP):** nhằm đạt năng suất nhưng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe động vật nuôi, bền vững về môi trường và kinh tế

Nhà sản xuất quy mô nhỏ khó có được do chứng nhận tốn kém, phức tạp



ASIC – Asian Seafood improvement collaborative

ASIC – ASIAN SEAFOOD IMPROVEMENT COLLABORATIVE/HỢP TÁC CẢI THIỆN THỦY SẢN CHÂU Á

- ASIC được thiết kế để trở thành công cụ khả thi cho ngành tôm trong khu vực: cải thiện tính bền vững, hiệu quả về môi trường và xã hội cũng như được công nhận từ thị trường xuất khẩu.
- **Hỗ trợ cho các nhà sản xuất quy mô nhỏ, người nuôi, hoặc trang trại không thể đạt được sự công nhận từ các tổ chức chứng nhận do chi phí và sự phức tạp của quy trình chứng nhận**
- ASIC đang cải tiến để giúp các nhà sản xuất tôm quy mô nhỏ ở Đông Nam Á (Indonesia, Myanmar, Philippines, Thái Lan và Việt Nam) cải thiện phương thức nuôi và được công nhận
- Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau đang thí điểm bộ tiêu chuẩn ASIC,
- Mỹ sẽ đưa doanh nghiệp Mỹ sang VN để chọn nhà cung cấp sản phẩm

ASIC PHÙ HỢP CHO CÁC HỘ NUÔI QUY MÔ NHỎ Ở TRÀ VINH/ĐBSCL VÀ VIỆT NAM



ASIC
Asian Seafood Improvement Collaborative



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!